

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP
DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 40



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Xuân Lũng	Chủ tịch
Ông Phùng Tuấn Hà	Ủy viên
Ông Nguyễn Sĩ Đàm	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2013)
Ông Lê Thuận Khương	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2013)
Ông Phạm Quang Huy	Ủy viên
Ông Trần Minh Hoàng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2013)
Bà Lê Thị Chiến	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phùng Tuấn Hà	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Sĩ Long	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2013)
Ông Vũ Tiến Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Hồng Diệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tú	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 05 tháng 9 năm 2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phùng Tuấn Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2014

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		5.661.287.613.235	3.653.796.151.783
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.100.533.189.502	1.129.910.129.741
1. Tiền	111		463.227.203.818	291.383.755.869
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.637.305.985.684	838.526.373.872
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		18.376.791.095	18.376.791.095
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	49.900.000.000	49.900.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	7	(31.523.208.905)	(31.523.208.905)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.302.262.441.282	1.299.536.975.284
1. Phải thu khách hàng	131		1.211.586.586.735	1.006.604.762.322
2. Trả trước cho người bán	132		26.717.922.581	216.481.346.136
3. Các khoản phải thu khác	135		100.963.127.435	96.603.783.020
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(37.005.195.469)	(20.152.916.194)
IV. Hàng tồn kho	140	8	1.884.378.916.498	1.024.471.422.107
1. Hàng tồn kho	141		1.909.433.399.152	1.042.742.250.694
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(25.054.482.654)	(18.270.828.587)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		355.736.274.858	181.500.833.556
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.430.181.027	2.400.557.454
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		332.079.950.927	172.195.337.932
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		4.005.965.316	113.520.964
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		13.220.177.588	6.791.417.206
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		577.265.021.193	612.852.087.962
I. Tài sản cố định	220		283.583.445.738	308.785.645.486
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	158.933.748.048	172.253.988.303
- Nguyên giá	222		348.759.514.704	347.759.292.547
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(189.825.766.656)	(175.505.304.244)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	103.011.464.112	119.459.744.589
- Nguyên giá	228		105.837.550.169	121.916.073.849
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.826.086.057)	(2.456.329.260)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	21.638.233.578	17.071.912.594
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		19.921.528.554	37.611.862.007
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	17.921.528.554	35.611.862.007
2. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258		2.000.000.000	2.000.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		273.760.046.901	266.454.580.469
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	263.340.663.168	259.062.096.439
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.207.512.000	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		7.211.871.733	7.392.484.030
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		6.238.552.634.428	4.266.648.239.745

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 40 là một bộ phận một hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍLầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		4.869.966.576.296	2.936.239.178.771
I. Nợ ngắn hạn	310		4.820.791.667.762	2.889.929.815.099
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	3.132.192.854.491	1.417.697.056.351
2. Phải trả người bán	312		1.276.519.138.701	820.257.149.427
3. Người mua trả tiền trước	313		81.615.379.151	326.958.331.216
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	34.045.465.765	59.069.936.942
5. Phải trả người lao động	315		79.269.650.381	108.418.177.670
6. Chi phí phải trả	316		23.540.771.200	8.121.828.868
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		120.956.292.221	79.518.002.129
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		72.652.115.852	69.889.332.496
II. Nợ dài hạn	330		49.174.908.534	46.309.363.672
1. Phải trả dài hạn khác	333		49.174.908.534	46.309.363.672
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1.233.416.790.915	1.241.214.005.483
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	1.233.416.790.915	1.241.214.005.483
1. Vốn điều lệ	411		698.420.000.000	698.420.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		160.547.882.393	128.358.940.301
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	42.911.651.986
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	(9.150.605.990)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		112.188.836.361	95.775.705.900
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		51.252.826.898	580.799.271
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		211.007.245.263	284.317.514.015
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	18	135.169.267.217	89.195.055.491
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		6.238.552.634.428	4.266.648.239.745

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2013	31/12/2012
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)	177.790	-
2. Ngoại tệ các loại		
- USD	5.628.310	2.435.478
- EUR	-	105
- GBP	205	205
3. Nợ khó đòi đã xử lý	1.614.400.000	-


Cao Thanh Hùng
Người lập biểu

Ngày 17 tháng 3 năm 2014


Đào Văn Đại
Kế toán trưởngPhùng Tuấn Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 40 là một bộ phận một hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍLầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		11.748.322.976.197	10.448.000.089.865
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		231.851.126.942	294.200.298.314
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		11.516.471.849.255	10.153.799.791.551
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		10.773.915.593.763	9.393.586.873.477
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		742.556.255.492	760.212.918.074
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	104.188.026.849	80.181.199.937
7. Chi phí tài chính	22	22	125.855.596.582	144.768.503.508
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		107.914.346.298	103.154.269.027
8. Chi phí bán hàng	24		213.695.276.542	201.421.775.370
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		229.633.589.473	218.046.508.218
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		277.559.819.744	276.157.330.915
11. Thu nhập khác	31	23	26.401.458.033	49.801.750.941
12. Chi phí khác	32	23	24.377.594.557	22.413.857.740
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	23	2.023.863.476	27.387.893.201
14. Lợi nhuận thuần trong công ty liên kết	45		779.771.678	2.362.998.920
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		280.363.454.898	305.908.223.036
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	87.164.172.360	93.344.172.604
17. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	25	(3.207.512.000)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		196.406.794.538	212.564.050.432
Trong đó:				
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		37.946.445.188	24.758.000.816
Lợi ích của cổ đông của Tổng Công ty	62		158.460.349.350	187.806.049.616
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	2.278	2.720


Cao Thanh Hùng
Người lập biểu

Ngày 17 tháng 3 năm 2014


Đào Văn Đại
Kế toán trưởngPhùng Tuấn Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 40 là một bộ phận một hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍLầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>280.363.454.898</i>	<i>305.908.223.036</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	30.903.066.561	33.925.233.703
Các khoản dự phòng	03	23.635.933.342	16.452.873.069
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(80.184.929.625)	(39.774.610.822)
Chi phí lãi vay	06	107.914.346.298	103.154.269.027
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>362.631.871.474</i>	<i>419.665.988.013</i>
Biến động các khoản phải thu	09	(218.802.680.984)	118.971.496.184
Biến động hàng tồn kho	10	(866.692.191.213)	253.411.005.554
Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	232.369.460.849	(170.532.078.550)
Biến động chi phí trả trước	12	(2.653.614.538)	2.170.691.757
Tiền lãi vay đã trả	13	(111.797.496.247)	(149.698.208.407)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(96.197.836.921)	(80.731.233.831)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	19.293.471.769	15.251.313.557
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(16.237.892.930)	(21.421.542.320)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>(698.086.908.741)</i>	<i>387.087.431.957</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(27.868.501.801)	(24.745.808.650)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	951.071.105	1.215.053.908
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	43.549.711.092	146.075.353.820
4. Thu lãi cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	80.184.929.625	39.774.610.822
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>96.817.210.021</i>	<i>162.319.209.900</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ bán cổ phiếu quỹ (i)	31	14.709.718.303	-
2. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	7.396.854.639.758	5.132.180.693.236
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(5.684.298.149.880)	(4.791.288.157.509)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông (ii)	36	(155.373.449.700)	(124.295.616.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>1.571.892.758.481</i>	<i>216.596.919.727</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	970.623.059.761	766.003.561.584
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.129.910.129.741	363.906.568.157
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	2.100.533.189.502	1.129.910.129.741

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 40 là một bộ phận một hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thông tin bổ sung phi tiền tệ:

- (i) Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Tổng Công ty đã bán toàn bộ cổ phiếu quỹ tương ứng với 788.880 cổ phần, số tiền thu được từ giao dịch này là 14.709.718.303 VND.
- (ii) Tiền chi trả cổ tức cho các cổ đông không bao gồm 25.862.122.900 VND là cổ tức chưa thanh toán cho các cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 908.580.600 VND). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên khoản mục Thay đổi các khoản phải trả.



Cao Thanh Hùng
Người lập biểu

Ngày 17 tháng 3 năm 2014



Đào Văn Đại
Kế toán trưởng



Phùng Tuấn Hà
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005338 ngày 29 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 15 số 0300452060 ngày 21 tháng 10 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí, một công ty Nhà nước thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là "Petro Việt Nam").

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 2.557 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 2.682).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm: mua bán thiết bị viễn thông; đại lý du lịch; chế biến, mua bán nước sinh hoạt; sản xuất cồn thực phẩm, cồn công nghiệp, cồn nhiên liệu; kinh doanh chiết nạp khí hóa lỏng (không hoạt động tại trụ sở); cho thuê kho bãi, nhà xưởng, mặt bằng, văn phòng; kinh doanh nhà ở, văn phòng đại diện, kinh doanh bất động sản; mua bán thực phẩm, nhu yếu phẩm, hải sản; chế biến nông sản, lương thực (không sản xuất chế biến thực phẩm tươi sống tại trụ sở); mua bán máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, vật tư, trang thiết bị văn phòng, thiết bị nghe nhìn, máy móc, thiết bị phục vụ vệ sinh công nghiệp; linh kiện sử dụng cho vỏ bình khí; bán buôn máy thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện; dịch vụ vui chơi giải trí (trừ karaoke, tổ chức đánh bạc); xây dựng nhà các loại; kinh doanh xăng dầu; điều hành tour du lịch; hoạt động xuất khẩu lao động, cung ứng lao động; dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch; sản xuất thức ăn gia súc (không hoạt động tại trụ sở); vệ sinh khu nhà và các công trình; quản lý bất động sản; cho thuê phương tiện vận tải; mua bán nông sản; mua bán lương thực; bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; bán buôn phân đạm, hóa chất dùng trong công nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất độc hại mạnh); mua bán nhiên liệu sinh học, khí CO₂, NH₃ (không hoạt động tại trụ sở); bán buôn nhựa tổng hợp, chất dẻo dạng nguyên sinh, hóa chất công nghiệp, tơ, sợi dệt; mua bán phương tiện vận tải, xe chuyên dùng; đại lý mua bán hàng hóa; sản xuất vỏ bình khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; duy tu, sửa chữa, gia công cơ khí - điện - nước và chống ăn mòn kim loại (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); đào tạo nghề; sản xuất nhiên liệu sinh học, khí CO₂, NH₃ (không hoạt động tại trụ sở); đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa; dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; đại lý làm thủ tục hải quan; đại lý vận tải hàng hóa, kể cả dịch vụ liên quan đến hậu cần; dịch vụ kiểm đếm, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; dịch vụ môi giới hàng hải; vận tải đa phương thức quốc tế; sản xuất bao bì từ plastic (trừ tái chế phế thải); kinh doanh khách sạn; chế biến hải sản (không sản xuất chế biến thực phẩm tươi sống, gây ô nhiễm môi trường tại trụ sở); vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; lắp đặt các công trình dầu khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); sửa chữa máy móc, thiết bị; bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ radio, cassette, tivi, loa, thiết bị âm thanh nổi, máy nghe nhạc, đầu video, đầu đĩa CD, DVD; quảng cáo; hoạt động của các cơ sở thể thao; hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và công nợ tài chính khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2013 (%)
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 20
Máy móc, thiết bị	14,2 - 20
Phương tiện vận tải	14,2 - 20
Dụng cụ quản lý	25 - 33
Tài sản cố định khác	25 - 33

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không phải tính khấu hao. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là tám (08) năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm lợi thế kinh doanh phát sinh khi thực hiện xác định giá trị các công ty con để chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty TNHH sang công ty cổ phần, các khoản trả trước tiền thuê văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi thực hiện xác định giá trị các công ty con để chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty TNHH sang công ty cổ phần đối với Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (PSA), Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu (Petrosetco Vũng Tàu) và Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung (PSMT) với số tiền tương ứng là 6.006.130.380 VND, 12.595.093.168 VND và 33.235.767.000 VND. Lợi thế kinh doanh phát sinh tại các đơn vị trên được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo thời gian tương ứng là 3 năm, 3 năm và 10 năm.

Khoản trả trước tiền thuê văn phòng bao gồm:

- Khoản trả trước cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 2.619,37 m² sàn tại tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.
- Khoản trả trước một phần cho Viện Dầu khí Việt Nam để thuê 568 m² sàn tại tầng 15, tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 173, phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội trong thời gian 50 năm kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2010. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, tiền thuê kho Hồ Nai - Đồng Nai và tiền thuê đất trả trước tại Vũng Tàu được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư dài hạn khác

Khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc trừ (-) dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định về kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 11/NQ-DVTHDK-DHĐCĐ ngày 05 tháng 4 năm 2013, Tổng Công ty tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2013 và sẽ được phê duyệt trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông năm 2014, tỷ lệ như sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6% lợi nhuận sau thuế
Quỹ đầu tư phát triển	10% lợi nhuận sau thuế
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍLầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tiền mặt	3.430.918.901	2.761.669.202
Tiền gửi ngân hàng	459.796.284.917	288.622.086.667
Các khoản tương đương tiền	1.637.305.985.684	838.526.373.872
	<u>2.100.533.189.502</u>	<u>1.129.910.129.741</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 03 tháng tại các ngân hàng.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí (i)	39.500.000.000	39.500.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	10.400.000.000	10.400.000.000
	<u>49.900.000.000</u>	<u>49.900.000.000</u>

(i) Theo Quyết định số 313/QĐ-DVTHDK-HĐQT và 314/QĐ-DVTHDK-HĐQT ngày 26 tháng 12 năm 2011, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty quyết định sẽ giải thể Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại Dầu khí ("Petrosetco Thương mại") và Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí ("Petrosetco Sài Gòn") kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012. Hiện tại, Petrosetco Thương mại và Petrosetco Sài Gòn đang trong quá trình quyết toán với cơ quan Thuế để hoàn thiện các thủ tục cho việc giải thể doanh nghiệp và trong năm 2013 không phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo đó, giá trị khoản đầu tư vào Petrosetco Thương mại và Petrosetco Sài Gòn được trình bày tại khoản mục "Đầu tư ngắn hạn" - mã số 121 thay vì khoản mục "Đầu tư vào công ty con" - mã số 251 trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

7. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí	29.882.192.415	29.882.192.415
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	1.641.016.490	1.641.016.490
Dầu khí	<u>31.523.208.905</u>	<u>31.523.208.905</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	132.689.449.776	120.248.887.628
Nguyên liệu, vật liệu	6.434.318.029	14.949.014.186
Công cụ, dụng cụ	1.133.036.495	643.584.974
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.124.472.037	-
Thành phẩm	294.713.145	129.849.756
Hàng hoá	1.662.174.014.150	717.557.663.574
Hàng gửi bán	105.583.395.520	189.213.250.576
Cộng	<u>1.909.433.399.152</u>	<u>1.042.742.250.694</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(25.054.482.654)	(18.270.828.587)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>1.884.378.916.498</u>	<u>1.024.471.422.107</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍLầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2013	164.093.354.069	80.162.631.836	84.552.359.302	16.741.331.512	2.209.615.828	347.759.292.547
Mua trong năm	432.723.150	7.324.369.908	11.689.829.816	2.256.652.203	1.448.605.740	23.152.180.817
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	150.000.000	-	-	-	150.000.000
Điều chỉnh quyết toán XDCB hoàn thành	(1.983.746.642)	1.733.708.756	-	-	-	(250.037.886)
Tăng khác	40.721.818	87.300.000	-	73.968.181	-	201.989.999
Thanh lý	-	(3.534.863.680)	(3.205.602.075)	(438.192.331)	-	(7.178.658.086)
Giảm tài sản tại KSHN (i)	(2.455.380.349)	(630.651.395)	-	-	-	(3.086.031.744)
Phân loại lại theo thông tư 45/2013/TT-BTC (ii)	(636.767.739)	(3.494.062.901)	(145.977.333)	(6.996.998.905)	(90.792.881)	(11.364.599.759)
Giảm khác	-	-	(19.081.818)	(605.539.366)	-	(624.621.184)
Tại ngày 31/12/2013	159.490.904.307	81.798.432.524	92.871.527.892	11.031.221.294	3.567.428.687	348.759.514.704
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2013	58.742.984.552	49.190.676.887	54.069.720.347	13.360.001.897	141.920.561	175.505.304.244
Khấu hao trong năm	7.039.707.827	10.137.952.948	10.942.205.401	1.963.126.789	139.754.973	30.222.747.938
Tăng khác	-	-	-	22.508.586	-	22.508.586
Thanh lý	-	(3.299.805.666)	(2.674.210.660)	(253.570.655)	-	(6.227.586.981)
Giảm tài sản tại KSHN (i)	(767.948.869)	(612.648.433)	-	-	-	(1.380.597.302)
Phân loại lại theo thông tư 45/2013/TT-BTC (ii)	(340.706.597)	(1.521.926.733)	(98.523.396)	(3.658.074.388)	(90.792.881)	(5.710.023.995)
Giảm khác	(8.181.800)	(755.850.526)	(5.295.425)	(1.837.258.083)	-	(2.606.585.834)
Tại ngày 31/12/2013	64.665.855.113	53.138.398.477	62.233.896.267	9.596.734.146	190.882.653	189.825.766.656
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2013	94.825.049.194	28.660.034.047	30.637.631.625	1.434.487.148	3.376.546.034	158.933.748.048
Tại ngày 31/12/2012	105.350.369.517	30.971.954.949	30.482.638.955	3.381.329.615	2.067.695.267	172.253.988.303

(i) Tổng Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp (tỷ lệ góp vốn 100%) tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí Hà Nội cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV-Oil). Việc chuyển nhượng đã hoàn thành trong Quý II năm 2013.

(ii) Giảm nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của các tài sản cố giá trị nhỏ hơn 30.000.000 VND theo hướng dẫn của Thông thư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Nguyên giá các tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 56.201.168.545 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 54.214.857.471 VND).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍLầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	119.407.634.699	2.508.439.150	121.916.073.849
Tăng trong năm	-	464.247.273	464.247.273
Giảm do thanh lý công ty con	(16.109.508.265)	-	(16.109.508.265)
Giảm khác	-	(433.262.688)	(433.262.688)
Tại ngày 31/12/2013	<u>103.298.126.434</u>	<u>2.539.423.735</u>	<u>105.837.550.169</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	503.910.253	1.952.419.007	2.456.329.260
Khấu hao trong năm	322.318.404	358.000.219	680.318.623
Giảm khác	-	(310.561.826)	(310.561.826)
Tại ngày 31/12/2013	<u>826.228.657</u>	<u>1.999.857.400</u>	<u>2.826.086.057</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2013	<u>102.471.897.777</u>	<u>539.566.335</u>	<u>103.011.464.112</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>118.903.724.446</u>	<u>556.020.143</u>	<u>119.459.744.589</u>

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	17.071.912.594	24.862.109.143
Tăng trong năm	4.716.320.984	9.547.509.988
Kết chuyển sang tài sản cố định	150.000.000	16.806.692.045
Giảm khác	-	531.014.492
Số dư cuối năm	<u>21.638.233.578</u>	<u>17.071.912.594</u>
Chi tiết theo công trình:		
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Dự án Cape Pearl (trước đây là dự án Petrosetco SSG Tower)	20.509.171.999	16.349.341.923
Các công trình khác	1.129.061.579	722.570.671
	<u>21.638.233.578</u>	<u>17.071.912.594</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍLầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Công ty con	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	Tp. HCM	79,87%	79,87%	Phân phối thiết bị điện tử viễn thông
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	Tp. HCM	100%	100%	Thương mại, dịch vụ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	Vũng Tàu	70%	70%	Cung cấp dịch vụ
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	Quảng Ngãi	89%	89%	Thương mại và dịch vụ
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	Hà Nội	88,20%	88,20%	Quản lý, khai thác, vận hành tòa nhà
Công ty TNHH Petrosetco - SSG	Tp. HCM	51%	51%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh	Tp. HCM	50%	50%	Thiết bị, linh kiện điện tử, thiết bị ngoại vi, phần mềm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bán lẻ Dầu khí	Tp. HCM	51%	58,19%	Bán lẻ điện thoại

Tổng Công ty sở hữu 50% vốn góp của Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh, tuy nhiên, Tổng Công ty có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị của công ty này (3/5 thành viên Hội đồng Quản trị của công ty này là người đại diện của Tổng Công ty). Theo đó, Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh vẫn thuộc sự kiểm soát của Tổng Công ty.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí	-	18.410.012.180
Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí	17.921.528.554	17.201.849.827
	<u>17.921.528.554</u>	<u>35.611.862.007</u>

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí	Bà Rịa-Vũng Tàu	24	24	Dịch vụ cho thuê văn phòng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍLầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)**

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tổng tài sản	253.166.067.222	414.064.270.967
Tổng nợ phải trả	178.493.031.579	281.023.189.422
Tài sản thuần	<u>74.673.035.643</u>	<u>133.041.081.545</u>
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	<u>17.921.528.554</u>	<u>35.611.862.007</u>
	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Doanh thu	40.873.513.706	738.353.823.184
Lợi nhuận thuần	<u>3.249.048.659</u>	<u>8.923.224.323</u>
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	<u>779.771.678</u>	<u>2.362.998.920</u>

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng (i)	171.449.480.481	176.372.341.428
Chênh lệch đánh giá lại tài sản (ii)	28.303.074.170	36.147.712.964
Chi phí trả trước dài hạn khác	<u>63.588.108.517</u>	<u>46.542.042.047</u>
	<u>263.340.663.168</u>	<u>259.062.096.439</u>

(i) Bao gồm các khoản sau:

- Khoản trả trước cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 2.619,37 m² sàn tại tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.
- Khoản trả trước một phần cho Viện Dầu khí Việt Nam để thuê 568 m² sàn tại tầng 15, tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 173, phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội trong thời gian 50 năm kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2010. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.
- (ii) Khi thực hiện đánh giá lại giá trị tài sản để phục vụ mục đích chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty TNHH MTV sang công ty cổ phần đối với Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu và Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung, khoản lợi thể kinh doanh phát sinh với số tiền tương ứng là 6.006.130.380 VND, 12.595.093.168 VND và 33.235.767.000 VND. Tổng Công ty phản ánh giá trị lợi thể kinh doanh này trên khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn" và thực hiện phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo thời gian tương ứng là 3 năm, 3 năm và 10 năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍLầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn (i)		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	947.013.205.379	528.709.916.496
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	179.899.406.900	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	59.825.466.251	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam)	403.852.016.332	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	84.827.062.338	-
Ngân hàng Indochina - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	20.385.356.087	127.505.691.581
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB)	-	68.196.459.109
Ngân hàng TNHH HSBC Việt Nam	317.262.622.200	388.125.455.626
Ngân hàng TNHH ANZ Việt Nam	520.671.968.538	305.159.533.539
Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam	37.806.608.602	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	383.187.095.679	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	177.462.046.185	-
	<u>3.132.192.854.491</u>	<u>1.417.697.056.351</u>

(i) Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng thương mại dưới hình thức vay ngắn hạn, hợp đồng hạn mức tín dụng hoặc phát hành tín dụng thư, không có tài sản đảm bảo. Lãi suất lãi tiền vay được xác định theo lãi suất do các ngân hàng công bố tại thời điểm giải ngân hoặc lãi suất điều chỉnh theo từng thời kỳ do ngân hàng công bố đối với các khoản vay bằng Đồng Việt Nam và từ 2,5% đến 3,5%/năm đối với các khoản vay bằng Đô la Mỹ (USD).

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2012</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	21.027.766.511	514.176.805.859	530.412.603.241	4.791.969.129
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.946.705.902	87.164.172.360	96.197.836.921	26.913.041.341
Thuế thu nhập cá nhân	1.799.027.622	27.257.653.201	26.943.979.010	2.112.701.813
Thuế khác	296.436.907	11.186.922.170	11.255.605.595	227.753.482
	<u>59.069.936.942</u>	<u>639.785.553.590</u>	<u>664.810.024.767</u>	<u>34.045.465.765</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍLầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty.

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	69.842.000	69.842.000
+ Cổ phiếu phổ thông	69.842.000	69.842.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	788.880
+ Cổ phiếu phổ thông	-	788.880
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.842.000	69.053.120
+ Cổ phiếu phổ thông	69.842.000	69.053.120
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300452060 điều chỉnh lần 15 ngày 21 tháng 10 năm 2013, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 699 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Vốn đã góp tại ngày			
	31/12/2013		31/12/2012	
	Số tiền (VND)	%	Số tiền (VND)	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	246.092.850.000	35,24	246.092.850.000	35,24
Các cổ đông khác	452.327.150.000	64,76	452.327.150.000	64,76
	<u>698.420.000.000</u>	<u>100</u>	<u>698.420.000.000</u>	<u>100</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
 Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	698.420.000.000	128.358.940.301	33.678.648.352	(9.150.605.990)	17.626.480.239	68.669.949.370	839.728.344	273.774.504.461	1.212.217.645.077
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	212.564.050.432	212.564.050.432
Phân phối cho cổ đông theo số	-	-	-	-	-	(1.840.855.924)	(72.603.158)	(19.937.656.809)	(21.851.115.091)
Trích bổ sung quỹ năm 2011	-	-	-	-	-	611.971.127	-	(4.383.568.342)	(3.771.597.215)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(124.295.616.000)	(124.295.616.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	(17.626.480.239)	-	-	(17.626.480.239)	(17.626.480.239)
Công ty con sử dụng quỹ để bù đắp các khoản công nợ	-	-	-	-	-	-	(186.325.915)	-	(186.325.915)
Tạm phân phối lợi nhuận tại Công ty mẹ	-	-	9.233.003.634	-	-	18.466.007.266	-	(42.407.589.235)	(14.708.578.335)
Tạm phân phối lợi nhuận tại các Công ty con	-	-	-	-	-	9.868.634.061	-	(16.560.684.582)	(6.692.050.521)
Thay đổi do thanh lý công ty con	-	-	-	-	-	-	-	5.564.073.290	5.564.073.290
Số dư tại ngày 31/12/2012	698.420.000.000	128.358.940.301	42.911.651.986	(9.150.605.990)	-	95.775.705.900	580.799.271	284.317.514.015	1.241.214.005.483
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	196.406.794.538	196.406.794.538
Phân phối cho cổ đông theo số	-	(6.710.670.221)	-	-	-	(2.288.776.987)	-	(43.664.331.569)	(52.663.778.777)
Tạm phân phối lợi nhuận tại Công ty mẹ (i)	-	-	(42.911.651.986)	-	-	-	42.911.651.986	372.568.928	372.568.928
Tạm trích quỹ 2013 (ii)	-	-	-	-	-	-	-	(35.115.401.259)	(11.834.274.336)
Tạm chia cổ tức trong năm (iii)	-	-	-	-	-	-	-	(180.326.992.000)	(180.326.992.000)
Bán cổ phiếu quỹ (iv)	-	5.559.112.313	-	9.150.605.990	-	-	-	-	14.709.718.303
Tạm phân phối lợi nhuận tại các Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(10.403.790.735)	(6.295.218.052)
Giảm do thoái vốn khỏi Công ty liên kết	-	-	-	-	-	4.108.572.683	-	(552.225.352)	(1.404.959.344)
Phát hành cổ phiếu, vốn góp thêm trong năm	-	33.340.500.000	-	-	-	(852.733.992)	-	-	33.340.500.000
Giảm do thoái vốn khỏi PET Hả Nội	-	-	-	-	-	(74.682.525)	-	(26.891.303)	(101.573.828)
Số dư tại ngày 31/12/2013	698.420.000.000	160.547.882.393	-	-	-	112.188.836.361	51.252.826.898	211.007.245.263	1.233.416.790.915

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍLầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

- (i) Theo Nghị quyết số 06/NQ-DVTHDK-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty tạm phân phối Quỹ thưởng hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận từ lợi nhuận năm 2012 với số tiền 3.628.973.971 VND.

Theo Nghị quyết số 11/NQ-DVTHDK-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 4 năm 2013 Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty quyết định chuyển toàn bộ số dư Quỹ dự phòng tăng vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 sang quỹ dự phòng tài chính số tiền 42.911.651.986 VND, trích Quỹ thưởng hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận từ lợi nhuận 2012 là 3.256.405.043 VND.

Tổng Công ty điều chỉnh giảm Quỹ thưởng hoàn thành vượt kế hoạch đã tạm trích và hạch toán vào Báo cáo tài chính năm 2012 so với số tiền được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt số tiền là 372.568.928 VND.

- (ii) Theo Nghị quyết số 11/NQ-DVTHDK-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 4 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty tạm phân phối Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận từ lợi nhuận năm 2013 với số tiền tương ứng là 15.520.751.282 VND, 7.760.375.641 VND, 9.312.450.770 VND và 2.521.823.566 VND. Số chính thức sẽ được phê duyệt trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông năm 2014.

- (iii) Theo Nghị quyết số 11/NQ-DVTHDK-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 4 năm 2013, Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty quyết định mức chi trả cổ tức của năm 2012 bằng tiền mặt với tỷ lệ 16% trên vốn điều lệ, tương đương 110.484.992.000 VND. Theo Nghị quyết số 27/NQ-DVTHDK ngày 12 tháng 9 năm 2013, Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty quyết định tạm ứng cổ tức của năm 2013 với tỷ lệ 10% trên vốn điều lệ tương đương 69.842.000.000 VND. Trong năm, Tổng công ty đã chi trả cổ tức số tiền 155.518.452.000 VND (trả cổ tức của năm 2012 và 2013 là 154.464.869.100 VND; cổ tức các năm trước là 908.580.600 VND), phần cổ tức chưa thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 được theo dõi trên tài khoản "Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác" số tiền 25.862.122.900 VND.

- (iv) Theo Nghị quyết số 09/NQ-DVTHDK ngày 01 tháng 4 năm 2013 của Hội đồng Quản trị về việc chấp thuận bán cổ phiếu quỹ, Tổng Công ty đã bán số lượng 788.880 cổ phần tương ứng giá trị cổ phiếu quỹ là 9.150.605.990 VND, chênh lệch giữa giá bán và giá gốc của cổ phiếu quỹ được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần với số tiền là 5.559.112.313 VND.

18. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Vốn điều lệ	121.760.000.000	80.033.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	4.863.309.015	2.574.532.029
Quỹ dự phòng tài chính	185.640.994	185.640.994
Lợi nhuận chưa phân phối	1.649.646.987	6.401.882.468
Thặng dư vốn cổ phần	6.710.670.221	-
	<u>135.169.267.217</u>	<u>89.195.055.491</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo khu vực địa lý

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Tổng Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 5 bộ phận hoạt động: bộ phận kinh doanh hàng điện tử, bộ phận cung cấp thiết bị vật tư cho ngành dầu khí, bộ phận kinh doanh hạt nhựa và xơ sợi, bộ phận phân phối gas và bộ phận khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo năm bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của năm bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận kinh doanh hàng điện tử: phân phối hàng điện tử (chủ yếu là điện thoại di động, máy tính xách tay);

Bộ phận cung cấp thiết bị vật tư cho ngành dầu khí: cung cấp thiết bị, vật tư cho ngành dầu khí;

Bộ phận kinh doanh hạt nhựa và xơ sợi: hoạt động thương mại liên quan đến hạt nhựa PP và xơ sợi;

Bộ phận phân phối gas: phân phối, sang chiết gas, nhiên liệu hóa lỏng;

Bộ phận khác: các bộ phận kinh doanh khác tại Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
 Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÀU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013:

	Hàng điện tử		Vật tư thiết bị ngành dầu khí		Hạt nhựa, Xơ sợi		Phân phối Gas		Dịch vụ khác		Loại trừ		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tài sản													
Tài sản bộ phận	3.699.094.589.054	368.564.582.912	651.836.800.032	319.268.501.476	503.004.267.001	(758.035.352.289)	4.783.733.388.186						
Tài sản không phân bổ													1.454.819.246.242
Tổng tài sản hợp nhất													6.238.552.634.428
Nợ phải trả													
Nợ phải trả bộ phận	3.699.094.589.054	348.601.095.313	639.140.429.563	252.432.865.564	239.348.375.535	(351.774.537.892)	4.826.842.817.137						
Nợ phải trả không phân bổ													43.123.759.159
Tổng nợ phải trả hợp nhất													4.869.966.576.296

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012:

	Hàng điện tử		Vật tư thiết bị ngành dầu khí		Hạt nhựa, Xơ sợi		Phân phối Gas		Dịch vụ khác		Loại trừ		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tài sản													
Tài sản bộ phận	2.183.946.708.711	379.190.981.145	279.302.240.806	270.324.101.503	489.265.382.978	(778.918.288.190)	2.823.111.126.953						
Tài sản không phân bổ													1.443.537.112.792
Tổng tài sản hợp nhất													4.266.648.239.745
Nợ phải trả													
Nợ phải trả bộ phận	2.011.598.521.340	348.601.095.313	266.936.625.666	199.056.226.534	217.373.383.078	(364.243.257.652)	2.679.322.594.279						
Nợ phải trả không phân bổ													256.916.584.492
Tổng nợ phải trả hợp nhất													2.936.239.178.771

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN/HN

19. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013:**

	Hàng điện tử		Vật tư thiết bị ngành dầu khí		Hạt nhựa, Xơ sợi		Phân phối Gas		Dịch vụ khác		Loại trừ		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ														
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	6.918.938.051.063	953.498.104.493	1.581.878.951.711	877.538.063.646	1.422.275.970.445	(237.657.292.103)	11.516.471.849.255							
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu	6.918.938.051.063	953.498.104.493	1.581.878.951.711	877.538.063.646	1.422.275.970.445	(237.657.292.103)	11.516.471.849.255							
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	6.496.245.593.688	921.711.448.931	1.527.757.106.134	874.326.466.912	1.146.302.854.841	(192.427.876.743)	10.773.915.593.763							
Lợi nhuận gộp	422.692.457.375	31.786.655.562	54.121.845.577	3.211.596.734	275.973.115.604	(45.229.415.360)	742.556.255.492							
Chi phí bán hàng	114.373.980.461	9.328.668.371	43.600.883.791	894.045.543	47.018.132.784	(1.520.434.408)	213.695.276.542							
Chi phí quản lý doanh nghiệp	102.450.572.214	5.785.384.147	-	707.037.904	164.399.576.160	(43.708.980.952)	229.633.589.473							
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	205.867.904.700	16.672.603.044	10.520.961.786	1.610.513.287	64.555.406.660	-	299.227.389.477							
Doanh thu từ các khoản đầu tư							104.967.798.527							
Lợi nhuận khác							2.023.863.476							
Chi phí tài chính							(125.855.596.582)							
Lợi nhuận trước thuế							280.363.454.898							
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							87.164.172.360							
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							(3.207.512.000)							
Lợi nhuận sau thuế							196.406.794.538							

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍLầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2013	2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	713.561.460.587	664.077.677.600
Chi phí nhân công	382.119.333.602	426.137.928.577
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.903.066.561	33.925.233.703
Chi phí dịch vụ mua ngoài	170.824.116.117	316.689.487.598
Chi phí khác bằng tiền	115.238.318.736	181.072.876.967
	1.412.646.295.603	1.621.903.204.445

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2013	2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	80.184.929.625	39.621.047.347
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.451.706.317	29.731.565.832
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	153.563.475
Doanh thu hoạt động tài chính khác	14.551.390.907	10.675.023.283
	104.188.026.849	80.181.199.937

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2013	2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	107.914.346.298	103.154.269.027
Lỗ chênh lệch tỷ giá	16.672.913.384	26.233.528.424
Chi phí tài chính khác	13.118.360.075	15.380.706.057
Hoàn nhập lợi thế thương mại do thanh lý Công ty con	(11.850.023.175)	-
	125.855.596.582	144.768.503.508

23. LỢI NHUẬN KHÁC

	2013	2012
	VND	VND
Thuế nhập khẩu được hoàn các năm trước	5.485.480.872	31.563.205.536
Thu từ phạt vi phạm hợp đồng	-	6.029.130.073
Thu từ tiền thế chấp vô bình ga	2.920.271.750	-
Tiền được bồi thường	2.725.404.231	-
Khác	15.270.301.180	12.209.415.332
Thu nhập khác	26.401.458.033	49.801.750.941
Các khoản chi phí thuế	17.440.478.696	10.998.368.813
Các khoản tiền phạt	7.977.129	5.315.134.864
Khác	6.929.138.732	6.100.354.063
Chi phí khác	24.377.594.557	22.413.857.740
Lợi nhuận khác	2.023.863.476	27.387.893.201

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍLầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2013	2012
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	280.363.454.898	305.908.223.036
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>	<i>75.529.849.789</i>	<i>69.269.332.472</i>
- Các khoản chi phí không được khấu trừ	69.791.910.764	67.093.383.645
- Lỗi không tính thuế	5.737.939.025	2.175.948.827
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(11.850.023.175)</i>	<i>(2.387.918.772)</i>
- Hoàn nhập lợi thế thương mại do thanh lý công ty con	(11.850.023.175)	-
- Thu nhập từ cung cấp suất ăn ca cho người lao động	-	(2.301.699.179)
- Điều chỉnh giảm khác	-	(86.219.593)
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	344.043.281.512	372.789.636.736
<i>Thu nhập chịu thuế suất 25%</i>	<i>344.043.281.512</i>	<i>372.789.636.736</i>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	1.153.351.982	146.763.420
Thuế suất thông thường	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	87.164.172.360	93.344.172.604
	87.164.172.360	93.344.172.604

25. (THU NHẬP) THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	2013	2012
	VND	VND
Chênh lệch tạm thời khoản chi phí trích trước	14.579.600.000	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
	3.207.512.000	-

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2013	2012
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	196.406.794.538	212.564.050.432
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	158.460.349.350	187.806.049.616
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	69.552.384	69.053.120
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.278	2.720

27. CÁC KHOẢN CAM KẾT**Cam kết thuê hoạt động**

	2013	2012
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	27.657.493.313	27.711.106.473

Ngày 29 tháng 6 năm 2011, Tổng Công ty ký Phụ lục hợp đồng số 10020/2010/HĐ-DKVN thuê văn phòng làm việc và cho thuê với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại tòa nhà PetroVietnam số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tổng diện tích thuê giảm xuống còn 2.619,37 m² (ban đầu là 4.844,36 m²), thời gian thuê là 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010. Tổng số tiền Tổng Công ty phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (chưa bao gồm thuế GTGT) là 185.727.354.531 VND.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. CÁC KHOẢN CAM KẾT (Tiếp theo)

Ngày 12 tháng 7 năm 2011, Tổng Công ty ký thêm Hợp đồng thuê văn phòng làm việc và cho thuê số 6211/2011/HĐ-DKVN với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, thuê thêm tầng 2 và một phần tầng 6 của tòa nhà PetroVietnam số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng diện tích thuê thêm là 2.224,99 m² số tiền thuê là 5.1174,77 Đô la Mỹ/tháng (tương đương 1.065.868.110 VND/ tháng).

Ngày 29 tháng 11 năm 2012, Tổng Công ty ký Phụ lục sửa đổi bổ sung cho Hợp đồng thuê văn phòng làm việc và cho thuê số 6211/2011/HĐ-DKVN với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tổng diện tích thuê là 2.224,99 m², số tiền thuê là 934.494.800 VND/tháng, phụ lục hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2012.

Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển - công ty con của Tổng Công ty ký hợp đồng với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 1.245,86 m² tại Tòa nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê là 420.000 VND/m²/tháng, thời hạn thuê từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 20 tháng 8 năm 2017.

Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí - công ty con của Tổng Công ty ký hợp đồng với Viện Dầu khí Việt Nam để thuê 568 m² tại tầng 15, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 173, phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội trong thời gian 50 năm kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2010.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	22.628.266.048	29.812.770.064
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	74.034.577.129	98.238.642.151
Sau năm năm	609.161.255.162	626.422.859.389
	<u>705.824.098.339</u>	<u>754.474.271.604</u>

Cam kết bảo lãnh tín dụng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty có cam kết bảo lãnh không hủy ngang đối với các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam, Ngân hàng TNHH Indovina, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Bên cho vay") của các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là "Bên được bảo lãnh"). Theo đó, Tổng Công ty có trách nhiệm hoàn trả số gốc vay, lãi vay, chi phí bảo lãnh và các chi phí khác cho Bên cho vay trong trường hợp Bên được bảo lãnh không thanh toán hoặc thanh toán chậm trễ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍLầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***27. CÁC KHOẢN CAM KẾT (Tiếp theo)**

Hạn mức tín dụng thể hiện trên chứng thư bảo lãnh của Tổng Công ty như sau:

Chứng thư, hợp đồng bảo lãnh	Ngày	Công ty được bảo lãnh	Hạn mức bảo lãnh
VNM 09121	N/A	Các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	17.000.000 USD
118/2013/HDHM/CIB-HCM	24/4/2013	Các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	200.000.000.000 VND
47/0413/HĐBL	25/4/2013	Các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	20.000.000 USD
25A/DVTHDK-TCKT	09/01/2013	Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh	150.000.000.000 VND
265A/DVTHDK-TCKT	02/5/2013	Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam	20.000.000.000 VND
339A/DVTHDK-TCKT	10/6/2013	Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	400.000.000.000 VND
339B/DVTHDK-TCKT	10/6/2013	Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	600.000.000.000 VND
346A/DVTHDK-TCKT	11/6/2013	Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí và Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh	400.000.000.000 VND
615A/DVTHDK-TCKT	24/10/2013	Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	100.000.000.000 VND
530A/DVTHDK-TCKT	11/9/2013	Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí PSD	350.000.000.000 VND
530B/DVTHDK-TCKT	11/9/2013	Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh	50.000.000.000 VND
508/DVTHDK-TCKT	28/8/2013	Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	200.000.000.000 VND

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Các khoản vay	3.132.192.854.491	1.417.697.056.351
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	2.100.533.189.502	1.129.910.129.741
Nợ thuần	1.031.659.664.989	287.786.926.610
Vốn chủ sở hữu	1.233.416.790.915	1.241.214.005.483
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,84</u>	<u>0,23</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍLầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.100.533.189.502	1.129.910.129.741
Các khoản đầu tư	2.000.000.000	2.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.275.544.518.701	1.083.055.629.148
Tài sản tài chính khác	5.137.938.743	7.369.500.650
Tổng cộng	3.383.215.646.946	2.222.335.259.539
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	3.132.192.854.491	1.417.697.056.351
Phải trả người bán và phải trả khác	1.396.979.386.255	898.143.288.983
Chi phí phải trả	23.540.771.200	8.121.828.868
Công nợ tài chính khác	15.470.408.265	17.507.701.889
Tổng cộng	4.568.183.420.211	2.341.469.876.091

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tổng Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này hoặc nếu có thì chi phí mua quá cao, lớn hơn cả mức rủi ro về tỷ giá.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍLầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Rủi ro thị trường (Tiếp theo)**

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	216.096.284.889	134.670.153.531	338.363.820.484	1.584.784.988.833
Euro (EUR)	27.757.465	439.615.217	-	198.532.463
Bảng Anh (GBP)	7.139.187	6.826.048	-	-

Phân tích độ nhạy của ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ (USD), đồng tiền chung Châu Âu (EUR) và Bảng Anh (GBP). Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ này so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10%, trong khi các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty thay đổi như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Tăng 10%	(12.223.263.894)	(144.986.692.650)
Giảm 10%	12.223.263.894	144.986.692.650

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty biến động như sau:

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013		
VND	+200	(62.643.857.090)
VND	-200	62.643.857.090
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012		
VND	+200	(28.353.941.127)
VND	-200	28.353.941.127

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư,... Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền là 37.005.195.469 VND.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍLầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
31/12/2013	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.100.533.189.502	-	2.100.533.189.502
Các khoản đầu tư	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.275.544.518.701	-	1.275.544.518.701
Tài sản tài chính khác	723.876.610	4.414.062.133	5.137.938.743
	3.376.801.584.813	6.414.062.133	3.383.215.646.946
31/12/2013			
Các khoản vay	3.132.192.854.491	-	3.132.192.854.491
Phải trả người bán và phải trả khác	1.396.979.386.255	-	1.396.979.386.255
Chi phí phải trả	23.540.771.200	-	23.540.771.200
Công nợ tài chính khác	-	15.470.408.265	15.470.408.265
	4.552.713.011.946	15.470.408.265	4.568.183.420.211
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.175.911.427.133)	(9.056.346.132)	(1.184.967.773.265)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
31/12/2012	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.129.910.129.741	-	1.129.910.129.741
Các khoản đầu tư	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.083.055.629.148	-	1.083.055.629.148
Tài sản tài chính khác	323.726.620	7.045.774.030	7.369.500.650
	2.213.289.485.509	9.045.774.030	2.222.335.259.539
31/12/2012			
Các khoản vay	1.417.697.056.351	-	1.417.697.056.351
Phải trả người bán và phải trả khác	898.143.288.983	-	898.143.288.983
Chi phí phải trả	8.121.828.868	-	8.121.828.868
Công nợ tài chính khác	-	17.507.701.889	17.507.701.889
	2.323.962.174.202	17.507.701.889	2.341.469.876.091
Chênh lệch thanh khoản thuần	(110.672.688.693)	(8.461.927.859)	(119.134.616.552)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, công nợ tài chính lớn hơn tài sản tài chính với số tiền là 1.184.967.773.265. VND. Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên, dựa vào kế hoạch kinh doanh năm 2014 và hạn mức tín dụng tại các Ngân hàng thương mại, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Viện Dầu khí Việt nam	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Ban Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình II	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Ban Quản lý dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Ban Quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Ngân Hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (trước là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam)	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam (trước là Nhà máy sản xuất bình khí PetroVietnam)	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Khí	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần PVI	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước (PVEP POC)	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Dịch vụ khai thác Dầu khí PTSC	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí - Công ty Cảng dịch vụ	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍLầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***29. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)***Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	2013 VND	2012 VND
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	108.983.977.909	108.983.977.909
Viện Dầu khí Việt nam	32.315.978.876	24.408.131.002
Ngân Hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	27.125.377.403	19.246.060.356
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	10.558.951.117	11.615.132.245
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	10.705.896.647	-
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	6.576.813.937	7.989.708.422
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	4.860.080.500	5.126.717.968
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	38.581.053.202	484.066.200.928
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	27.798.355.833	7.037.398.811
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	15.080.871.147	23.526.990.507
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	19.070.858.814	19.405.809.226
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	80.443.880.767	69.901.964.712
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	12.286.473.030	12.070.312.579
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	5.904.613.867	-
Công ty Cổ phần PVI	11.150.000	128.072.768
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	8.595.872.475	7.990.698.113
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.150.809.873	1.331.810.844
Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	3.144.787.332	3.534.848.008
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	37.934.594.864	2.213.831.881
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	65.971.850	11.011.144.073
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	27.006.979.446	5.033.347.501
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	37.968.892.592	6.180.204.405
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	26.057.347.186	-
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	4.860.080.500	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	472.228.653.117	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	15.036.620.320	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	7.904.970.930	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ khai thác Dầu khí PTSC	17.387.470.428	-
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí - Công ty Cảng dịch vụ	5.754.539.662	-
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	13.271.500.000	-
Vay vốn		
Ngân Hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	295.295.127.330	480.000.000.000
Trả nợ vay		
Ngân Hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	-	498.930.229.527

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

	<u>2013</u> VND	<u>2012</u> VND
Mua hàng		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	8.758.890.425	14.484.003.169
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	1.972.079.933.221	1.653.172.195.378
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	2.900.000.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	147.780.275.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	1.860.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ an ninh Dầu khí Việt Nam	15.897.781.050	15.946.812.993
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	123.609.132.474	106.275.956.028
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.446.395.667	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	1.581.577.678	-
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	10.055.365.640	-
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	4.151.929.725	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp khí	201.507.191.771	-
Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam	10.856.020.000	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Hà Nội	9.306.187.050	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC	1.207.183.047	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	<u>2013</u> VND	<u>2012</u> VND
Lương, thưởng và thu nhập khác	5.951.548.944	6.617.575.800
	<u>6.617.575.800</u>	<u>6.617.575.800</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍLầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	13.304.358.920	5.935.445.434
Viện Dầu khí Việt Nam	2.471.509.969	4.291.440.705
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	687.127.302	2.194.662.597
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	4.343.005.097	6.009.771.772
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	15.533.007.814	26.674.922.116
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	4.902.550.701	6.501.454.269
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	1.984.378.450	1.463.566.400
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	1.814.078.309	3.752.481.289
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	21.563.486	1.289.822.161
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	946.414.675	4.543.511.635
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	1.910.408.382	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	3.815.298.562	189.887.656.347
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	6.068.058.008	24.532.318.063
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.208.679.400	1.479.401.660
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE	1.500.762.029	-
Ngân Hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	2.333.907.788	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	91.568.683.555	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ khai thác Dầu khí PTSC	7.027.335.687	-
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải	-	307.088.030.218
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	324.297.716.187	241.671.867.737
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ Phần	480.046.022	4.897.660.548
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	1.130.811.080	902.277.800
Ngân Hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	-	526.446.199
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	6.880.130.882	7.089.002.414
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	7.440.275.797	3.814.296.491
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	-	115.500.000
Viện Dầu khí Việt nam	-	6.968.647
Công ty Cổ phần PVI	-	101.298.721
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	-	830.497.256
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	1.616.677.399	301.950.000
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	4.026.931.623	-

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.


Cao Thanh Hùng
Người lập biểu

Đào Văn Đại
Kế toán trưởngPhùng Tuấn Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2014